



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; (0262) 3796999; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn; quatest2.vn



Số: 1770.5-K8/09153/26-KT2

Ngày: 16/10/2026

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: NƯỚC SINH HOẠT (LẤY TẠI BỒN BẾP)
- Ký hiệu mẫu:
- Số lượng mẫu: 01
- Tình trạng mẫu: Mẫu khoảng 3 lít, chứa trong 02 chai nhựa 1,5 lít
- Khách hàng: TRƯỜNG TIỂU HỌC HOA LƯ
- Địa chỉ: 31A Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
- Ngày nhận mẫu: 22/9/2026
- Ngày thử nghiệm: từ ngày: 22/9/2026 đến ngày: 12/10/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH(*)
1	Màu sắc mg Pt-Co/L	TCVN 6185(C):2015	< 2,0	≤ 15
2	Mùi -	KT2.QT.CH-362:2026	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục NTU	SMEWW 2130 B:2023	0,57	≤ 2
4	pH (ở 25°C) -	TCVN 6492:2011	7,1	6,0 ÷ 8,5
5	Clo dư tự do mg/L	SMEWW 4500-CI B,C:2023	< 0,2 (MQL)	0,2 ÷ 1,0
6	Arsenic (As) mg/L	TCVN 6626:2000	< 0,0005 (MQL)	≤ 0,01
7	Chỉ số Permanganat mg/L	TCVN 6186:1996	< 0,9 (MQL)	≤ 2
8	Amoni (tính theo N) mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ B&D:2023	< 0,1 (MQL)	≤ 1
9	Coliform CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 1
10	E.coli CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	< 1
11	P.aeruginosa CFU/100mL	TCVN 8881:2011	KPH (< 1)	< 1
12	Staphylococcus aureus CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	KPH (< 1)	< 1

Ghi chú:

- (*): Mức quy định theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- KPH: không phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

TRƯỜNG PHÒNG KỸ THUẬT 8

Đặng Tuấn Kiệt



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Như Loan





Số: 1770.4-K8/09153/26-KT2

Ngày: 16/10/2026

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: NƯỚC QUA LỌC RO
- Ký hiệu mẫu: CƠ SỞ 2
- Số lượng mẫu: 01
- Tình trạng mẫu: Mẫu khoảng 5,0 lít, chứa trong chai nhựa
- Khách hàng: TRƯỜNG TIỂU HỌC HOA LƯ
- Địa chỉ: 31A Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
- Ngày nhận mẫu: 22/9/2026
- Ngày thử nghiệm: từ ngày: 22/9/2026 đến ngày: 12/10/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH
1	Hàm lượng Sb mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL)	≤ 0,02
2	Hàm lượng As mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL)	≤ 0,01
3	Hàm lượng Ba mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,02 (MQL)	≤ 0,7
4	Hàm lượng B mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL)	≤ 0,5
5	Hàm lượng Bromat mg/L	ISO 15061:2001	KPH (MDL = 0,003)	≤ 0,01
6	Hàm lượng Clorat mg/L	TCVN 6494-4:2000	KPH (MDL = 0,01)	≤ 0,7
7	Hàm lượng Clorit mg/L	TCVN 6494-4:2000	KPH (MDL = 0,01)	≤ 0,7
8	Hàm lượng Cd mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL)	≤ 0,003
9	Hàm lượng Cr mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL)	≤ 0,05
10	Hàm lượng CN ⁻ mg/L	SMEWW 4500- CN ⁻ C,E:2023	< 0,003 (MQL)	≤ 0,07
11	Hàm lượng Fluoride mg/L	TCVN 6494-1:2011	KPH (MDL = 0,06)	≤ 1,5
12	Hàm lượng Clor mg/L	TCVN 6225-3:2011	< 0,71 (MQL)	≤ 5
13	Hàm lượng NO ₃ ⁻ mg/L	TCVN 6180:1996	0,047	≤ 50
14	Hàm lượng NO ₂ ⁻ mg/L	TCVN 6178:1996	< 0,005 (MQL)	≤ 3
15	Hàm lượng Pb mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,005 (MQL)	≤ 0,01
16	Hàm lượng Mn mg/L	TCVN 6002:1995	< 0,05 (MQL)	≤ 0,4
17	Hàm lượng Hg mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,001 (MQL)	≤ 0,006
18	Hàm lượng Mo mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL)	≤ 0,07
19	Hàm lượng Cu mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL)	≤ 2
20	Hàm lượng Ni mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL)	≤ 0,07





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; (0262) 3796999; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn; quatest2.vn



Số: 1770.4-K8/09153/26-KT2

Ngày: 16/10/2026

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH(*)
21	Hàm lượng Se mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL)	≤ 0,01
22	<i>E.coli</i> CFU/250mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	0
23	<i>Coliform</i> CFU/250mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	0
24	<i>Streptococci fecal</i> CFU/250mL	TCVN 6189-2:2009	KPH (< 1)	0
25	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> CFU/250mL	TCVN 8881:2011	KPH (< 1)	0
26	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit CFU/50mL	TCVN 6191-2:1996	KPH (< 1)	0

Ghi chú:

- (*): Mức quy định theo QCVN 6-1:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.
- KPH: không phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.



TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 8

Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Như Loan





Số: 1770.3-K8/09153/26-KT2

Ngày: 16/10/2026

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: NƯỚC QUA LỌC RO
- Ký hiệu mẫu: KHU C (PHƯỜNG TRANG BÌ)
- Số lượng mẫu: 01
- Tình trạng mẫu: Mẫu khoảng 5,0 lít, chứa trong chai nhựa
- Khách hàng: TRƯỜNG TIỂU HỌC HOA LƯ
- Địa chỉ: 31A Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
- Ngày nhận mẫu: 22/9/2026
- Ngày thử nghiệm: từ ngày: 22/9/2026 đến ngày: 12/10/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH
1	Hàm lượng Sb	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL) ≤ 0,02
2	Hàm lượng As	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL) ≤ 0,01
3	Hàm lượng Ba	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,02 (MQL) ≤ 0,7
4	Hàm lượng B	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL) ≤ 0,5
5	Hàm lượng Bromat	mg/L	ISO 15061:2001	KPH (MDL = 0,003) ≤ 0,01
6	Hàm lượng Clorat	mg/L	TCVN 6494-4:2000	KPH (MDL = 0,01) ≤ 0,7
7	Hàm lượng Clorit	mg/L	TCVN 6494-4:2000	KPH (MDL = 0,01) ≤ 0,7
8	Hàm lượng Cd	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL) ≤ 0,003
9	Hàm lượng Cr	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL) ≤ 0,05
10	Hàm lượng CN ⁻	mg/L	SMEWW 4500- CN ⁻ C,E:2023	< 0,003 (MQL) ≤ 0,07
11	Hàm lượng Fluoride	mg/L	TCVN 6494-1:2011	KPH (MDL = 0,06) ≤ 1,5
12	Hàm lượng Clor	mg/L	TCVN 6225-3:2011	< 0,71 (MQL) ≤ 5
13	Hàm lượng NO ₃ ⁻	mg/L	TCVN 6180:1996	0,14 ≤ 50
14	Hàm lượng NO ₂ ⁻	mg/L	TCVN 6178:1996	< 0,005 (MQL) ≤ 3
15	Hàm lượng Pb	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,005 (MQL) ≤ 0,01
16	Hàm lượng Mn	mg/L	TCVN 6002:1995	< 0,05 (MQL) ≤ 0,4
17	Hàm lượng Hg	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,001 (MQL) ≤ 0,006
18	Hàm lượng Mo	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL) ≤ 0,07
19	Hàm lượng Cu	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL) ≤ 2
20	Hàm lượng Ni	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL) ≤ 0,07





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; (0262) 3796999; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn; quatest2.vn



Số: 1770.3-K8/09153/26-KT2

Ngày: 16/10/2026

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH(*)
21	Hàm lượng Se mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL)	≤ 0,01
22	<i>E.coli</i> CFU/250mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	0
23	<i>Coliform</i> CFU/250mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	0
24	<i>Streptococci fecal</i> CFU/250mL	TCVN 6189-2:2009	KPH (< 1)	0
25	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> CFU/250mL	TCVN 8881:2011	KPH (< 1)	0
26	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit CFU/50mL	TCVN 6191-2:1996	KPH (< 1)	0

Ghi chú:

- (*): Mức quy định theo QCVN 6-1:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.
- KPH: không phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.



TRƯỜNG PHÒNG KỸ THUẬT 8

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Tuấn Kiệt

Ngô Thị Như Loan





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; (0262) 3796999; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn; quatest2.vn



Số: 1770.2-K8/09153/26-KT2

Ngày: 16/10/2026

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: NƯỚC QUA LỌC RO
- Ký hiệu mẫu: KHU C
- Số lượng mẫu: 01
- Tình trạng mẫu: Mẫu khoảng 5,0 lít, chứa trong chai nhựa
- Khách hàng: TRƯỜNG TIỂU HỌC HOA LƯ
- Địa chỉ: 31A Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
- Ngày nhận mẫu: 22/9/2026
- Ngày thử nghiệm: từ ngày: 22/9/2026 đến ngày: 12/10/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH
1	Hàm lượng Sb	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL) ≤ 0,02
2	Hàm lượng As	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL) ≤ 0,01
3	Hàm lượng Ba	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,02 (MQL) ≤ 0,7
4	Hàm lượng B	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL) ≤ 0,5
5	Hàm lượng Bromat	mg/L	ISO 15061:2001	KPH (MDL = 0,003) ≤ 0,01
6	Hàm lượng Clorat	mg/L	TCVN 6494-4:2000	KPH (MDL = 0,01) ≤ 0,7
7	Hàm lượng Clorit	mg/L	TCVN 6494-4:2000	KPH (MDL = 0,01) ≤ 0,7
8	Hàm lượng Cd	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL) ≤ 0,003
9	Hàm lượng Cr	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL) ≤ 0,05
10	Hàm lượng CN ⁻	mg/L	SMEWW 4500- CN ⁻ C,E:2023	< 0,003 (MQL) ≤ 0,07
11	Hàm lượng Fluoride	mg/L	TCVN 6494-1:2011	KPH (MDL = 0,06) ≤ 1,5
12	Hàm lượng Clor	mg/L	TCVN 6225-3:2011	< 0,71 (MQL) ≤ 5
13	Hàm lượng NO ₃ ⁻	mg/L	TCVN 6180:1996	0,11 ≤ 50
14	Hàm lượng NO ₂ ⁻	mg/L	TCVN 6178:1996	< 0,005 (MQL) ≤ 3
15	Hàm lượng Pb	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,005 (MQL) ≤ 0,01
16	Hàm lượng Mn	mg/L	TCVN 6002:1995	< 0,05 (MQL) ≤ 0,4
17	Hàm lượng Hg	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,001 (MQL) ≤ 0,006
18	Hàm lượng Mo	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL) ≤ 0,07
19	Hàm lượng Cu	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL) ≤ 2
20	Hàm lượng Ni	mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL) ≤ 0,07





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; (0262) 3796999; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn; quatest2.vn



Số: 1770.2-K8/09153/26-KT2

Ngày: 16/10/2026

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH(*)
21	Hàm lượng Se mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL)	≤ 0,01
22	<i>E.coli</i> CFU/250mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	0
23	<i>Coliform</i> CFU/250mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	0
24	<i>Streptococci fecal</i> CFU/250mL	TCVN 6189-2:2009	KPH (< 1)	0
25	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> CFU/250mL	TCVN 8881:2011	KPH (< 1)	0
26	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit CFU/50mL	TCVN 6191-2:1996	KPH (< 1)	0

Ghi chú:

- (*): Mức quy định theo QCVN 6-1:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.
- KPH: không phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

TRƯỜNG PHÒNG KỸ THUẬT 8


Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Ngô Thị Như Loan





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; (0262) 3796999; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn; quatest2.vn



Số: 1770.1-K8/09153/26-KT2

Ngày: 16/10/2026

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: NƯỚC QUA LỌC RO
- Ký hiệu mẫu: KHU A
- Số lượng mẫu: 01
- Tình trạng mẫu: Mẫu khoảng 5,0 lít, chứa trong chai nhựa
- Khách hàng: TRƯỜNG TIỂU HỌC HOA LƯU
- Địa chỉ: 31A Phạm Văn Nghị, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
- Ngày nhận mẫu: 22/9/2026
- Ngày thử nghiệm: từ ngày: 22/9/2026 đến ngày: 12/10/2026
- Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH
1	Hàm lượng Sb mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL)	≤ 0,02
2	Hàm lượng As mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL)	≤ 0,01
3	Hàm lượng Ba mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,02 (MQL)	≤ 0,7
4	Hàm lượng B mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL)	≤ 0,5
5	Hàm lượng Bromat mg/L	ISO 15061:2001	KPH (MDL = 0,003)	≤ 0,01
6	Hàm lượng Clorat mg/L	TCVN 6494-4:2000	KPH (MDL = 0,01)	≤ 0,7
7	Hàm lượng Clorit mg/L	TCVN 6494-4:2000	KPH (MDL = 0,01)	≤ 0,7
8	Hàm lượng Cd mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL)	≤ 0,003
9	Hàm lượng Cr mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL)	≤ 0,05
10	Hàm lượng CN ⁻ mg/L	SMEWW 4500- CN ⁻ C,E:2023	< 0,003 (MQL)	≤ 0,07
11	Hàm lượng Fluoride mg/L	TCVN 6494-1:2011	KPH (MDL = 0,06)	≤ 1,5
12	Hàm lượng Clor mg/L	TCVN 6225-3:2011	< 0,71 (MQL)	≤ 5
13	Hàm lượng NO ₃ ⁻ mg/L	TCVN 6180:1996	0,20	≤ 50
14	Hàm lượng NO ₂ ⁻ mg/L	TCVN 6178:1996	< 0,005 (MQL)	≤ 3
15	Hàm lượng Pb mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,005 (MQL)	≤ 0,01
16	Hàm lượng Mn mg/L	TCVN 6002:1995	< 0,05 (MQL)	≤ 0,4
17	Hàm lượng Hg mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,001 (MQL)	≤ 0,006
18	Hàm lượng Mo mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL)	≤ 0,07
19	Hàm lượng Cu mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL)	≤ 2
20	Hàm lượng Ni mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,01 (MQL)	≤ 0,07





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; (0262) 3796999; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn; quatest2.vn



Số: 1770.1-K8/09153/26-KT2

Ngày: 16/10/2026

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC QUY ĐỊNH(*)
21	Hàm lượng Se mg/L	SMEWW 3125B:2023	< 0,002 (MQL)	≤ 0,01
22	<i>E.coli</i> CFU/250mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	0
23	<i>Coliform</i> CFU/250mL	ISO 9308-1:2014	KPH (< 1)	0
24	<i>Streptococci fecal</i> CFU/250mL	TCVN 6189-2:2009	KPH (< 1)	0
25	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> CFU/250mL	TCVN 8881:2011	KPH (< 1)	0
26	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit CFU/50mL	TCVN 6191-2:1996	KPH (< 1)	0

Ghi chú:

- (*): Mức quy định theo QCVN 6-1:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.
- KPH: không phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 8

Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Như Loan

